TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2022
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Lý Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M - sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Gi - sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Tôi và anh Lê Văn Gi có tìm hiểu nhau trước được 1 - 2 năm nên đến năm 2000, chúng tôi được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn trể hạn tại UBND xã Đ, huyện Gò Quao vào ngày 22/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến 6/2021 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi có người phụ nữ khác bên ngoài, tính tình không hợp nhau nữa, vợ chồng thường cải vả, sống không còn hạnh phúc. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn Gi.

Về con chung: Có 03 người chung tên Lê Thị Cẩm T1 - sinh ngày 09/12/2001, Lê Văn Ph - sinh ngày 06/5/2006 và Lê Thị Cẩm T2 - sinh ngày 29/10/2013. Hiện nay cháu T1 đã trưởng thành và có gia đinh riêng nên tôi không yêu cầu, còn cháu Ph với cháu T2 thì đang ở với tôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi cương quyết xin ly hôn với chồng tôi là anh Lê Văn Gi.

Về con chung: Tôi yêu cầu nuôi cả cháu Lê Văn Ph - sinh ngày 06/5/2006 và Lê Thị Cẩm T2 - sinh ngày 29/10/2013 và không yêu cầu ông Gi cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lê Thị Cẩm T1 - sinh ngày 09/12/2001 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không có yêu cầu thêm gì.

Tại bản tự khai ngày 04/4/2022 anh Lê Văn Gi trình bày: Tôi và vợ tôi kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân do mai mối nhưng lúc đó tôi cũng tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và có đăng kí kết hôn trễ hạn tại UBND xã Đ, huyện Gò Quao vào ngày 22/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì vợ tôi ghen tuông, vợ tôi mới có lời nói làm tôi buồn nên tôi mới bỏ nhà đi làm ở thành phố cho khuây khỏa. Sau đó, vợ càng ngày càng nghi ngờ ghen tuông làm ảnh hưởng tới tình cảm của vợ chồng. Bản thân tôi khẳng định là tôi không có người phụ nữ khác ở bên ngoài, tính tình tôi không muốn cải vả với vợ tôi nên tôi mới bỏ đi làm ở Thành Phố. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng rất hạnh phúc, hòa thuận, không hiểu thời gian gần đây vợ tôi vì sao cứ ghen tuông, nghe lời người ngoài nói ra nói vào rồi kiếm chuyện với tôi, làm ảnh hưởng tình cảm của chúng tôi, tôi khuyên cang mà vợ tôi không nghe rồi gửi đơn đòi ly hôn với tôi. Bản thân tôi đang rất thương vợ con, tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi mà xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi con.

Về con chung: Có 03 người chung tên Lê Thị Cẩm T1 - sinh ngày 09/12/2001, Lê Văn Ph - sinh ngày 06/5/2006 và Lê Thị Cẩm T2 - sinh ngày 29/10/2013. Hiện cháu T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu Ph với cháu T2 thì đang sống với vợ tôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn vì tôi còn thương vợ tôi.

Về con chung: Tôi muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi con. Trường hợp, Tòa án đã xem xét và cho vợ tôi ly hôn với tôi thì tôi yêu cầu nuôi cháu Tuyền và đồng ý giao cháu Phú cho vợ nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không có yêu cầu thêm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn Gi là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Lê Văn Gi được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng anh vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Gi là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M xác lập quan hệ hôn nhân với anh Lê Văn Gi vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang số 11 ngày 22/01/2015 cho nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị M và anh Gi là hôn nhân tự nguyện và có đăng kí kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nhưng trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau trước nhưng chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau. Vì vậy, khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Chị M cho rằng do anh Gi có người phụ nữ khác bên ngoài, tính tình không hợp nhau nữa, vợ chồng thường xuyên cải vả. Hơn nữa, chị M xác định sống với anh Gi không có hạnh phúc nên khởi kiện ra tòa xin ly hôn với anh. Còn anh Gi cho rằng anh không có người phụ nữ khác ở bên ngoài, trong thời gian chung sống thì vợ chồng rất hạnh phúc, hòa thuận, không hiểu thời gian gần đây chị M vì sao cứ ghen tuông, nghe lời người ngoài nói ra nói vào rồi kiếm chuyện với anh, làm ảnh hưởng tình cảm của vợ chồng, anh Gi khuyên cang mà chị M không nghe rồi gửi đơn đòi ly hôn với anh nên anh không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị là do anh chị chưa tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và tính tính hai người không hợp nhau, thường xuyên cãi vả. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị M đã tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và thương yêu gì đối với anh Gi nữa nên chị cương quyết ly hôn với anh. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn Gi xác định anh chị có 03 người con chung tên Lê Thị Cẩm T1 - sinh ngày 09/12/2001, Lê Văn Ph - sinh ngày 06/5/2006 và Lê Thị Cẩm T2 - sinh ngày 29/10/2013. Hiện nay cháu T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh chị không yêu cầu còn cháu Ph với cháu T2 thì đang ở với chị M nên chị M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục còn anh Gi yêu cầu được nuôi cháu Tuyền và giao cháu Phú cho chị M.

Xét về yêu cầu nuôi con của chị M thấy rằng: Chị M và anh Gi đã ly thân từ tháng 6/2021 nhưng chị M một mình nuôi dưỡng cháu Lê Văn Ph - sinh ngày 06/5/2006 và cháu Lê Thị Cẩm T2 - sinh ngày 29/10/2013 thì hai cháu cũng có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Đối với anh Gi thì anh cũng có nguyện vọng nuôi cháu T2. Tuy nhiên, theo chị M xác định từ khi ly thân đến nay anh Gi không đến chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu Phú và Tuyền cũng có nguyện vọng muốn sống với chị M. Do đó, yêu cầu nuôi con của chị M là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận nên giao cháu Lê Văn Ph - sinh ngày 06/5/2006 và cháu Lê Thị Cẩm T2 - sinh ngày 29/10/2013 cho chị Nguyễn Thị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn Gi có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền

làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn Gi xác định anh chị không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai. Do đó, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Nguyễn Thị M phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006713, ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Lê Văn Gi.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn Ph - sinh ngày 06/5/2006 và cháu Lê Thị Cẩm T2 - sinh ngày 29/10/2013 cho chị Nguyễn Thị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu Phú và cháu T2 cũng có nguyện vọng muốn sống với chị M.

Anh Lê Văn Gi có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX Miễn xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Nguyễn Thị M phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006713, ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 24/5/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh